

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26, trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế theo Quyết định số 138/QĐ-TTG ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 03 năm 2002, và các lần sửa đổi sau đó.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 4 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty là : 81.900.000.000 đồng, tương ứng với 8.190.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại : Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

Tên : Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương.

Quan hệ : Công ty con.

Địa chỉ : Ấp Hóa Nhứt, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng và chế biến dược liệu;
- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc, trang thiết bị y tế (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở), hóa chất (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán: rượu, nước uống có cồn, nước uống có gas (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: nhà nghỉ (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn cao su;
- Kinh doanh bất động sản.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính được lập cho năm 2009 để công bố thông tin theo quy định liên quan đến tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

---

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty mẹ và các Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 1 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên Công ty :	Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương
Địa chỉ :	Ấp Hóa Nhựt, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương Trồng cây dược liệu; Sản xuất thực phẩm chức năng; Chung, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất mỹ phẩm; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn dược phẩm.
Hoạt động chính :	
Điện thoại : 0650 3631830	Fax : 0650 3631831
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2009 : 15.000.000.000	
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ :	100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

---

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 15
Máy móc và thiết bị	04 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn 49 năm thuộc ấp Hóa Nhứt, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được trình bày theo nguyên giá.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán*****Đầu tư vào công ty con***

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

***Các khoản đầu tư chứng khoán***

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

---

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

*Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

*Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2008).

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Tiền mặt	2.059.743.618	1.583.625.573
- Tiền gửi ngân hàng	23.665.278.802	14.225.157.712
<b>Cộng</b>	<b>25.725.022.420</b>	<b>15.808.783.285</b>
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Đầu tư ngắn hạn khác : Tiền gửi tiết kiệm	52.489.100.000	49.043.600.000
<b>Cộng</b>	<b>52.489.100.000</b>	<b>49.043.600.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Ứng trước tiền lập hồ sơ sử dụng đất		495.000.000
- Tạm nộp bảo hiểm xã hội	86.871.740	280.606
- Phải thu khác	8.703.889	275.705.210
<b>Cộng</b>	<b>95.575.629</b>	<b>770.985.816</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	40.380.167.177	37.874.413.687
- Công cụ, dụng cụ	155.080.440	88.665.744
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	155.148.130	
- Thành phẩm	27.726.302.489	22.764.609.966
- Hàng hóa	481.132.832	336.602.242
- Hàng gửi đi bán	3.462.415.886	2.327.877.242
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>72.360.246.954</b>	<b>63.392.168.881</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Tạm ứng	116.200.000	243.469.000
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	353.353.295	513.881.148
<b>Cộng</b>	<b>469.553.295</b>	<b>757.350.148</b>

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

## 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ KHÁC	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Tại ngày 31/01/2009	51.786.084.933	48.072.536.254	5.783.888.732	2.913.216.163	254.545.454	108.810.271.536
- Mua mới		2.178.908.521	379.142.857	23.780.910		2.581.832.288
- Thanh lý, nhượng bán	66.943.500	698.543.290		219.924.950		985.411.740
Tại ngày 31/12/2009	51.719.141.433	49.552.901.485	6.163.031.589	2.717.072.123	254.545.454	110.406.692.084
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 31/01/2009	13.064.511.916	25.746.800.423	2.870.772.021	1.645.860.693	19.797.977	43.347.743.030
- Khấu hao trong năm	3.218.415.313	5.266.993.626	639.749.096	385.965.111		9.511.123.146
- Thanh lý, nhượng bán	66.943.500	698.543.290		219.924.950		985.411.740
Tại ngày 31/12/2009	16.215.983.729	30.315.250.759	3.510.521.117	1.811.900.854	19.797.977	51.873.454.436
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
Tại ngày 31/01/2009	38.721.573.017	22.325.735.831	2.913.116.711	1.267.355.470	234.747.477	65.462.528.506
Tại ngày 31/12/2009	35.503.157.704	19.237.650.726	2.652.510.472	905.171.269	234.747.477	58.533.237.648

\* Nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2009 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 24.463.534.126 đồng.

## 10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng	
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
Tại ngày 01/01/2009		12.633.524.400
Tại ngày 31/12/2009		12.633.524.400
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2009		
Tại ngày 31/12/2009		
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
Tại ngày 01/01/2009		12.633.524.400
Tại ngày 31/12/2009		12.633.524.400
<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Dự án nhà máy GMP - WHO Bình Dương	42.801.818.664	66.090.909
<b>Cộng</b>	<b>42.801.818.664</b>	<b>66.090.909</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

<b>13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (góp vốn liên doanh)	250.000.000	250.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	23.915.000.000	23.965.000.000
+ Trái phiếu	50.000.000	100.000.000
+ Cổ phiếu	23.865.000.000	23.865.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.200.000.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>24.165.000.000</u></b>	<b><u>17.015.000.000</u></b>
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.683.733	8.116.893
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.794.871.612	1.248.776.939
- Thuế thu nhập cá nhân	385.444.045	1.013.224.831
<b>Cộng</b>	<b><u>5.186.999.390</u></b>	<b><u>2.270.118.663</u></b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Kinh phí công đoàn	308.160.901	277.353.819
- Các khoản phải trả khác	11.211.161.295	5.911.034.475
+ Trích trước cổ tức đợt cuối 2008 (4%)		3.276.000.000
+ Trích trước cổ tức đợt 2 năm 2009 (10%)	8.190.000.000	
+ Tiền cổ tức chưa nộp Nhà nước	1.583.400.000	2.533.440.000
+ Tiền cổ tức Cổ đông chưa nhận	385.931.889	
+ Các khoản phải trả khác	1.051.829.406	101.594.475
<b>Cộng</b>	<b><u>11.519.322.196</u></b>	<b><u>6.188.388.294</u></b>
<b>22. Vốn chủ sở hữu</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

<b>b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
+ Vốn góp của Nhà nước	15.834.000.000	15.834.000.000
+ Vốn góp của các Cổ đông khác	66.066.000.000	66.066.000.000
<b>Cộng</b>	<b>81.900.000.000</b>	<b>81.900.000.000</b>
<b>đ- Cổ phiếu :</b>	<b>Từ 01/01/2009</b>	<b>Từ 01/01/2008</b>
	<b>đến 31/12/2009</b>	<b>đến 31/12/2008</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	8.190.000	8.171.583
- Cổ phiếu phổ thông	8.190.000	8.171.583
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân :	8.190.000	8.171.583
- Cổ phiếu phổ thông	8.190.000	8.171.583
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng / cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>372.916.823.916</b>	<b>219.019.005.327</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	259.486.932.552	198.170.423.899
+ Doanh thu bán hàng hoá khác	113.314.461.364	20.426.117.521
+ Doanh thu dịch vụ	115.430.000	422.463.907
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.241.794.521</b>	<b>479.280.068</b>
+ Hàng bán bị trả lại	1.101.308.617	323.354.060
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	140.485.904	155.926.008
<b>27. Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>371.675.029.395</b>	<b>218.539.725.259</b>
+ Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	258.245.138.031	197.691.143.831
+ Doanh thu thuần bán hàng hoá khác	113.314.461.364	20.426.117.521
+ Doanh thu thuần dịch vụ	115.430.000	422.463.907
<b>28. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
+ Giá vốn thành phẩm đã bán	132.229.348.016	105.091.769.113
+ Giá vốn hàng hoá đã bán	102.881.311.076	20.629.448.966
+ Giá vốn dịch vụ	23.865.188	
<b>Cộng</b>	<b>235.110.659.092</b>	<b>125.721.218.079</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	5.601.859.951	6.318.824.954
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	343.904.160	426.211.200
<b>Cộng</b>	<b>5.945.764.111</b>	<b>6.745.036.154</b>

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

	Năm 2009	Năm 2008
<b>30. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	85.221.187	417.044.547
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		7.200.000.000
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(7.200.000.000)	
- Chi phí tài chính khác		21.743.774
<b>Cộng</b>	<b>(7.114.778.813)</b>	<b>7.638.788.321</b>
<b>31. Thu nhập khác</b>		
- Thu thanh lý TSCĐ	337.208.636	50.181.818
- Thu các khoản khác	230.218.934	619.072.933
<b>Cộng</b>	<b>567.427.570</b>	<b>669.254.751</b>
<b>32. Chi phí khác</b>		
- Chi phí khác	13.340.000	1.700.000
<b>Cộng</b>	<b>13.340.000</b>	<b>1.700.000</b>
<b>33. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>33. 1 - Tổng lợi nhuận kế toán năm hiện hành</b>	<b>65.278.249.426</b>	<b>34.483.674.799</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	(741.276.778)	(624.843.671)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	309.169.333	191.634.852
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(1.050.446.111)	(816.478.523)
<b>33. 2 - Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>64.536.972.648</b>	<b>33.858.831.128</b>
+ Công ty mẹ (20%)	60.747.570.811	31.720.846.938
+ Công ty mẹ (25%)	1.197.504.621	
+ Công ty con (25%), năm 2008 (28%)	2.591.897.216	2.137.984.190
<b>33. 3 - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>13.202.845.915</b>	<b>6.999.497.206</b>
+ Công ty mẹ (20%)	12.149.514.162	6.344.169.388
+ Công ty mẹ (25%)	299.376.156	
+ Công ty con (25%), năm 2008 (28%)	647.974.304	598.635.573
+ Nộp hộ liên doanh (15%)	105.981.293	56.692.245
<b>33. 4 - Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>647.974.304</b>	<b>3.770.720.267</b>
+ Công ty mẹ (Năm 2008 giảm 50%)		3.172.084.694
+ Công ty con được miễn 100%	647.974.304	598.635.573
<b>33. 5 - Chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>12.554.871.611</b>	<b>3.228.776.939</b>
<b>33. 6 - Chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		3.449.326
(*) Hoãn lại khoản chi phí thuế thu nhập đã nộp cho khoản lợi tức chưa thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất.		<b>3.449.326</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2009	Năm 2008
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.165.425.247	108.174.333.025
- Chi phí nhân công	46.576.691.369	31.419.979.199
- Chi phí khấu hao	9.157.615.675	6.743.790.774
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.574.041.516	3.085.643.382
- Chi phí khác bằng tiền	25.647.901.668	27.267.073.510
<b>Cộng</b>	<b>210.121.675.475</b>	<b>176.690.819.890</b>
35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2009	Năm 2008
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	52.723.377.815	31.251.448.534
Trong đó :		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	600.560.658	321.256.057
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông	52.122.817.157	30.930.192.477
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.122.817.157	30.930.192.477
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.190.000	8.171.583
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.364</b>	<b>3.785</b>

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hò Thị Hải Vân

Đã ký

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Tâm

Đã ký

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Đức Vọng

Đã ký